

Bản án số: 37/2024/HS-PT
Ngày: 30-01-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Tào

ông Lê Văn Thường

- Thư ký phiên tòa: bà Văn Thị Mỹ Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đặng Thọ Định - Kiểm sát viên.

Ngày 29 và 30 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 386/2023/TLPT-HS ngày 14 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo Trương Đăng T (tên gọi khác: Thế T1) bị xét xử về tội “Giết người”.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2023/HSST ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 467/2024/QĐXXPT-HS ngày 04 tháng 01 năm 2024.

1. Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: Trương Đăng T (tên gọi khác: Thế T1) sinh ngày 08 tháng 11 năm 1977 tại tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: không; con ông Trương Đăng K và con bà Phạm Thị T2; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 19/HS-ST ngày 23 tháng 3 năm 1999, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xử phạt Trương Đăng T (tên gọi khác: Thế T1) 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo.

Bị cáo bị bắt ngày 26 tháng 01 năm 2006, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ, có mặt tại phiên toà.

2. Người tham gia tố tụng:

2.1. Người bào chữa cho bị cáo:

- Luật sư Trần Khắc T3 - Văn phòng L5, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; địa chỉ: tầng B, số nhà B N, phường D, quận C, Thành phố Hà Nội.

- Luật sư Nguyễn Duy B - Văn phòng luật sư D-T, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; địa chỉ: số F đường T, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Luật sư Trần Đình D1 - Công ty L6, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; địa chỉ: số C N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Luật sư Lê Xuân Anh P và Luật sư Nguyễn Văn L - Văn phòng L7, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: số D C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Luật sư Nguyễn Văn Q và Luật sư Lê Thị Bích H - Công ty L8, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; địa chỉ: phòng F tháp B, tòa nhà I, số D N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các Luật sư Nguyễn Duy B, Trần Đình D1, Nguyễn Văn Q, Lê Xuân Anh P, Nguyễn Văn L, có mặt tại phiên toà.

2.2. Bị hại: chị Trần Thị Kim H1, sinh ngày 17 tháng 02 năm 1993 (chết).

2.3. Người đại diện hợp pháp của bị hại: bà Trần Thị Kim H2, sinh năm 1989 (là chị ruột của bị hại); địa chỉ: số C Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

(24 người làm chứng và Điều tra viên vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 18 tháng 01 năm 2006, ông Trần Phi H3 và bà Nguyễn Thị L1 (trú thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk) đi làm về nhà nhưng không thấy con gái là Trần Thị Kim H1, nên đã đi tìm thì phát hiện cháu H1 nằm bất tỉnh ở vườn cà phê (phía sau nhà) trong tình trạng không mặc quần, đầu chảy nhiều máu. Ông H3, bà L1 cùng mọi người đưa cháu H1 đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ. Sau đó chuyển lên Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đ. Đến 23 giờ 10 phút cùng ngày thì cháu H1 tử vong.

Nhận được tin báo cháu Trần Thị Kim H1 bị giết, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã tổ chức khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi và thu thập chứng cứ để làm rõ vụ án giết người, kết quả xác định:

Kết quả khám nghiệm hiện trường:

Hiện trường vụ án là khu vực vườn cà phê nhà bà Tổng Thị V, khu vực vườn cà phê và xung quanh ngôi nhà của ông Trần Phi H3. Nạn nhân Trần Thị Kim H1 đã được đưa đi cấp cứu. Theo bà Nguyễn Thị L1 (mẹ nạn nhân) cung cấp đã phát hiện nạn nhân nằm ở vị trí trong khu vườn cà phê của gia đình bà V, cách phía sau ngôi nhà ông H3, bà L1 khoảng 50m. Tại vị trí cách nhà ông H3 làm trung tâm 50 m về phía Nam, tại vườn cà phê nhà bà V thấy đám máu dính thẫm trên lá và đất kích thước 20cm x 10cm; cách đám máu này 13cm về hướng Đông thấy cành cây cà phê dài 11cm, đường kính 2,8cm, một đầu chặt vát chéo đã khô; cách đám máu này 140cm về hướng Nam thấy đám máu dính trên lá và đất rải rác kích thước 35cm x 30cm; cạnh đám máu này về hướng Đông thấy cành cây cà phê dài 32cm, đường kính 2,5cm, hai đầu có vết gãy còn mới; cách đám máu này 70cm về hướng Nam thấy cành cây cà phê dài 34cm, đường kính 2,4cm, hai đầu gãy (3 đoạn cành cây cà phê khô ghép vào trùng khớp); cạnh đám máu này về hướng Tây thấy 01 cục đá kích thước 25cm x 24cm x 13cm dạng cục M2 rùa, kiểm tra cạnh thấy trầy xước còn mới kích thước 9cm x 5cm; cách đám máu 170cm về hướng Nam thấy 01 quần dài màu xanh đen lộn trái, tại túi quần trái có 5 tờ tiền loại 200 đồng và 2 miếng nhựa ghi số 17 và 24 màu đen, quần dài 81cm, vòng bụng 60cm nút quần nhựa đen mở khỏi khuy, dây kéo kéo xuống dưới, tại phần đũng hai ống quần thấy 01 quần lót màu xanh lơ. Tại vị trí đám máu nhỏ giọt và quần thấy đám đất trầy xước kích thước 137cm x 90cm; cách cục đá 3m về hướng Đông thấy đám đất in hằn mới kích thước 30cm x 20cm.

Khám ngoài tử thi thấy vùng trán phải nạn nhân lún biến dạng, đầu tóc rối dính máu, đất và rác lá cây cà phê; hai mắt sưng nề bầm tím; trên lông mày phải, trái vết thương 4cm x 0,8cm sâu tới xương sọ, bờ mép nhám nhở; tại vùng cổ trước hai bên bầm tím xây xước da rải rác, trong đó có nhiều vết hình cung, hướng dây cung quay xuống, dây cung dài 0,8cm; tại vùng cổ bên phải có vết hằn xây xước da nằm ngang không thẳng kích thước 4cm x 0,4cm. Tại vùng cổ bên trái có 04 vết hằn xước da không thẳng gần song song, bầm tím rải rác dưới cằm hai bên, bên phải, bên trái đều có kích thước 6cm x 5cm; tại thượng đòn bên trái có vết bầm tím nằm ngang kích thước 11cm x 2,5cm, phía ngoài vết bầm tím có vết xước da sâu kích thước 1,7cm x 1,5cm; xung quanh vết bầm tím và vết xước da này có vết bầm tím mờ kích thước 14cm x 6cm; âm hộ chảy dịch nhầy màu trắng đục, hai bên dính dịch khô bóng màu trắng đục, xung quanh âm hộ không tụ máu, lỗ màng trinh tròn đều không phát hiện tụ máu; tại mặt trước trong hai đùi dính dấu vết máu quệt; đùi trái dính nhiều mảnh vỏ cà phê khô; hai mu bàn tay sưng nề bầm tím, tại mu bàn tay phải sát ngón nhẫn có vết xây xước da kích thước 02cm x 01cm.

Giải phẫu tử thi thấy: tụ máu toàn bộ dưới da đầu; vỡ sập hộp sọ từ trần hốc mắt phải lên đỉnh chẩm dài 22cm, hở rộng nhất 2cm; vỡ hộp sọ từ trần hốc mắt phải lên đỉnh trán dài 9cm, hở rộng nhất 2cm, vết vỡ hộp sọ di lệch 0,5cm; vùng trần hốc mắt phải vỡ sập tách rời dài 9cm, tách rời 1cm thấy tổ chức não

dập thoát ra ngoài; rách màng cứng vùng trần hốc mắt phải, tổ chức não dập, qua vết vỡ thấy máu chảy ra; cổ bầm tụ máu sâu dưới da có kích thước 11cm x 5cm; lồng khí quản chứa đầy máu đặc lẫn máu đông thành sợi; tụ máu dưới da cơ vùng thượng đòn trái kích thước 11cm x 3cm; phổi phải thùy giữa, phổi trái thùy dưới tụ máu xuất huyết từng đám, các thùy xuất hiện dạng chấm.

Tiến hành xác minh những người có mặt tại khu vực hiện trường thời điểm xảy ra vụ án và phát động quần chúng nhân dân tố giác tội phạm, đến ngày 23 tháng 01 năm 2006, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã nhận được thư giấu tên tố giác Tường Đăng Thế là người đã giết cháu Trần Thị Kim H1. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã triệu tập Tường Đăng T đến trụ sở làm việc để xác minh làm rõ.

Tại Cơ quan điều tra hồi 07 giờ ngày 26 tháng 01 năm 2006, Tường Đăng T khai nhận nội dung hành vi phạm tội như sau: khoảng 13 giờ ngày 18 tháng 01 năm 2006, sau khi đến nhà anh Trần Đình L2 uống rượu, Tường Đăng T đã đi xe mô tô chở anh Trần Đình C về ngủ tại nhà anh C ở thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, một lúc sau anh Nguyễn Bá Q1 (người cùng thôn) cũng đến ngủ tại nhà anh C. Đến 14 giờ cùng ngày, T tỉnh dậy, nghĩ đến nhà anh Trần Phi H3 (cùng thôn với anh C) mấy hôm trước phơi nhiều bắp (ngô), đã đóng bao, chắc đã bán và có tiền cất trong nhà, nên nảy sinh ý định đến nhà anh H3 để lấy trộm tiền. Thấy anh C, anh Q1 đang ngủ, chị M đang dọn dẹp ở bếp. Tường Đăng T dậy, đi bộ đến cổng nhà anh Trần Phi H3 để trộm cắp. Khi đến trước cửa nhà anh H3, thấy cháu bé khoảng 13 - 14 tuổi đang ở sân nhà đối diện với nhà anh H3 đang ngồi nhặt cà phê, thấy mấy con dê đang ăn lá dâm bụt ở bờ rào; có 5 - 6 chiếc xe đạp dựng ở gốc cây trong sân nhà anh H3. Thế vào trong nhà anh H3 thấy mở cửa, không có ai, nên T đi bên hông ra sau nhà để quan sát. Đúng lúc này, cháu Trần Thị Kim H1 (con anh H3) đang nhặt cành cà phê khô gần bể nước nhìn thấy. Do Thế không đi cửa chính, mà đi vào cửa hông nhà, nên cháu H1 đã nghi ngờ, hỏi: *“Sao chú vào nhà lại đi cửa sau, cháu về sẽ mách bố mẹ, chú vào lấy trộm”*. Sợ bị lộ, T đã kéo tay cháu H1 lôi ra sau nhà, cháu H1 kêu: *“Buông tay ra”*. Sợ có người đi ngoài đường phát hiện, nên T dùng tay bịt miệng cháu H1, kéo cháu H1 ra vườn cây cà phê sau nhà. Cháu H1 vùng vẫy, nắm cành cà phê níu lại, nên T nhặt 01 đoạn cành cây cà phê khô (dài khoảng 80cm, đường kính khoảng 2,5cm) đánh vào 02 mu bàn tay cháu H1 để cháu H1 buông tay ra khỏi các cành cà phê, làm cành cây cà phê bị gãy thành nhiều đoạn, còn tay kia kẹp cổ kéo cháu H1 ra sau vườn cà phê cách mép sau nhà anh H3 khoảng 50m, T giật mạnh tay kéo cháu H1 ngã xuống đất, dùng tay trái bịt miệng, tay phải bóp cổ cháu H1 đến khi cháu H1 nằm im. Thấy cháu H1 còn cựa quậy, T nhặt cục đá (kích thước 25cm x 24cm x 13cm) cách chỗ cháu H1 nằm khoảng 03m đến ném vào đầu cháu H1. Thấy máu chảy nhiều, nghĩ cháu H1 đã chết, T lột quần cháu H1 vứt bên cạnh nhằm tạo hiện trường vụ án hiếp dâm để đánh lạc hướng điều tra. Sau đó, T đi ra đường lô cà phê rồi quay lại về nhà anh C và lên giường nằm tiếp (lúc đó khoảng 14 giờ 30 phút, không có ai trong nhà anh C biết T đã đi ra ngoài và quay về).

Hồi 07 giờ 30 phút ngày 26 tháng 01 năm 2006, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ghi lời khai bà Nguyễn Thị L1 (mẹ nạn nhân) để xác minh tính khách quan trong lời khai nhận tội của T, nội dung phản ánh: khoảng ngày 27 tháng 12 năm 2005, gia đình bà L1 có mua khoảng 1 tấn bắp tươi về để cho heo, bò ăn. Đến khoảng ngày 31 tháng 12 năm 2005, bà bỏ bắp ra sân phơi được khoảng 3 - 4 ngày, sau đó thì cất vào trong nhà. Đến khoảng ngày 12 tháng 01 năm 2006, bà có đưa bắp ra sân phơi một ngày nữa rồi đem vào cất để dành cho heo, bò, dê ăn dần.

Ngày 27 tháng 01 năm 2006, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã tổ chức cho Tướng Đ T thực nghiệm điều tra tại hiện trường theo lời nhận tội của bị cáo, kết quả:

- Khi thực nghiệm đứng tại khu vực trước cửa nhà nạn nhân, Tướng Đ T đã xác định vị trí 5 - 6 chiếc xe đạp dựng bên gốc cây và nhìn thấy cháu G đang ngồi nhặt cà phê trước sân ở nhà đối diện của nhà nạn nhân.

- Khi thực nghiệm điều tra tại khu vực sau vườn cà phê nhà nạn nhân (nơi phát hiện nạn nhân bị giết), Tướng Đ T đã diễn tả các hành vi dùng tay bịt miệng, đánh vào mu bàn tay, kẹp cổ kéo nạn nhân ra sau vườn cà phê, kéo nạn nhân ngã xuống đất, bóp cổ nạn nhân, nhặt cục đá ném vào đầu nạn nhân; lột quần nạn nhân vứt bên cạnh tạo hiện trường giả vụ hiếp dâm. Kết quả thực nghiệm phù hợp với các dấu vết, vật chứng để lại hiện trường vụ án, với cơ chế hình thành dấu vết trên thi thể nạn nhân.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ tiến hành lấy lời khai của những người làm chứng, cụ thể:

Chị Nguyễn Thị G1 (đối diện nhà nạn nhân) khai: khoảng 14 giờ, chị G1 có lấy rổ ra sân ngồi lượm cà phê. Lúc này, thấy có 05 người đàn bà đi lượm cà phê vào nhà nạn nhân lấy 05 chiếc xe đạp dựng ở gốc cây trước nhà ông H3 (bố nạn nhân). Do không thấy ai để trả tiền trông xe, nên đã đưa cho G1 và nhờ đưa lại cho nạn nhân.

Chị Trần Thị N và chị Đỗ Thị Y khai: các chị là người đi mót cà phê, có gửi xe đạp tại nhà anh H3 (bố nạn nhân). Sau khi mót cà phê quay lại nhà ông H3 lấy xe đạp thì không thấy ai, đã lấy 5 chiếc xe đạp dựng ở gốc cây trước nhà ông H3. Do không thấy ai ở nhà nên đã đưa cho cháu G1 và nhờ đưa lại cho nạn nhân.

Chị Nguyễn Thị Hồng N1 (là người đi chăn bò đã đi qua nhà nạn nhân) khai: thời điểm xảy ra vụ án là khi đi chăn bò ngang qua đã nhìn thấy trong sân nhà nạn nhân có để 5 - 6 chiếc xe đạp, thấy chị G1 đang ngồi ở sân nhà đối diện với nhà của nạn nhân.

Bà Phan Thị M1 khai: khoảng hơn 12 giờ 30 phút ngày 18 tháng 01 năm 2006, khi bốn mẹ con đang ăn cơm và xem phim thì Tướng Đ T chở ông C về. Thế mặc quần rêu dài, loại quần hộp nhiều túi, áo thun đen cộc tay, bà

không để ý T có đội mũ không và Thế mặc đồ này cho đến tận ngày phát tang cháu H1. Sau đó, T và ông C cùng ngủ trên giường ngoài phòng khách, lát sau ông C đi vào trong. Khi các con của bà đi học, bà dọn nhà trên, lúc này T vẫn ngủ. Sau đó, bà rửa chén bát ở bếp sau nhà (ước chừng khoảng 30 phút), khoảng thời gian này bà không quan sát được phía nhà trên do bị vướng tường. Rửa bát xong bà có đi lên xuống, qua lại trong nhà thì vẫn thấy T ngủ. Q1 dậy và đi về được một lúc thì T dậy đi từ nhà trên qua hông nhà bếp đi ra nhà tắm. Lúc này, bà M1 đang giặt đồ trước cửa nhà bếp nhưng không biết mấy giờ.

Bà Nguyễn Thị L3 khai: khoảng 14 giờ ngày 18 tháng 01 năm 2006, bà L3 đi mót cà phê. Khi bà đi ra thì nhìn vuông góc sang phía bên đường sân đội thấy Tường Đăng T đi từ hướng nhà C, M1 đi lên. T tiếp tục đi ra ngoài theo hướng nhà H3, L1. Bà thấy rõ mặt T, đội mũ tai bèo nhưng không nhớ T mặc quần áo như thế nào. Bà đi từ phía ngõ nhà qua sân đội, sang đường phía bên kia sân đội và tiếp tục đi theo sau T (cách khoảng 50m). Khi đi đến nhà ông C1 thì thấy T rẽ vào nhà H3, L1. Còn bà đi xuống đường lộ và đi vào vườn cà phê nhà V, V1 để mót cà phê, khi được gần 1kg thì bà nghe thấy tiếng hét to của bé gái trong nhà H3, nhưng không biết ai. Đang ngồi lượm dưới gốc cà phê thì nghe sột soạt và tâm lý để ý xem T làm gì, thì thấy T đầu không đội mũ, tay kẹp cổ cháu H1 kéo từ hiên nhà H3 ra sau giữa vườn cà phê nhà V về hướng bà đang ngồi. Bà khom người tiến thêm mấy gốc cà phê nữa, cách 2 - 3 gốc thì thấy T đang đánh cháu H1. T kéo và đặt cháu H1 nằm ngửa xuống, T lấy một cây gậy đập vào đầu H1 rồi T đi loanh quanh nhặt một hòn đá và đập vào đầu cháu H1. Bà sợ quá nên nhắm mắt lại, lúc sau nhìn thấy cháu H1 vẫn nằm ngửa, đầu quay về phía nhà H3, T đã lột quần cháu H1, không rõ quần áo gì, còn quần lót trên người. Sau khi đánh cháu H1, T đi hướng vào nhà H3, chèo ra đường lộ rồi đi đâu không rõ. Bà sợ nên ngồi trên cây một lúc mới xuống nhặt túi của mình, đi chỗ khác ngồi nghỉ gần tới mới dám về nhà. Khi được chính quyền địa phương phát động tố giác tội phạm, bà đã viết thư tố giác Thế T1 là người giết cháu H1, nhưng không dám đứng ra làm chứng vì sợ bị trả thù.

Ông Lê Hồng V2 (chồng bà L3) khai: tối ngày 18 tháng 01 năm 2006, bà L3 có kê cho ông V2 biết việc đã nhìn thấy T kéo cháu H1 ra vườn cà phê, bóp cổ cháu H1, lấy cục đá đập vào đầu cháu H1. Ông V2 đã khuyên bà L3 không nói gì vì sợ bị trả thù.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 107/KLPY ngày 07 tháng 3 năm 2006, Tổ chức giám định pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận:

Nguyên nhân dẫn đến tử vong của cháu H1 là do đa thương tích sọ não, cổ, ngực, dẫn đến choáng không hồi phục sau chấn thương.

Tại Bản giám định pháp y bổ sung số 1103/KLPY ngày 28 tháng 8 năm 2006, Tổ chức giám định pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận:

Xét nghiệm chất nhầy màu trắng đục đã thu giữ ngày 18 tháng 01 năm 2006 trên bộ phận sinh dục tử thi Trần Thị Kim H1 không ghi nhận có hình ảnh

tình trùng và tể bào, đây là dịch sinh lý thông thường. Phù hợp với lời khai nhận tội của Trương Đăng T trong các ngày 26 tháng 01 năm 2006, ngày 28 tháng 01 năm 2006; ngày 07 tháng 3 năm 2006; ngày 06 tháng 4 năm 2006 và ngày 12 tháng 4 năm 2006 (trước khi có kết quả giám định pháp y bổ sung ngày 28 tháng 8 năm 2006) xác định Trương Đăng T chỉ thực hiện hành vi giết nạn nhân, không hiếp dâm nạn nhân. Sau khi giết nạn nhân, T lột quần dài, quần lót để tạo dựng hiện trường vụ hiếp dâm để nhằm đánh lạc hướng điều tra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 101/2008/HSST ngày 04 tháng 7 năm 2008, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Áp dụng điểm c, n khoản 1 Điều 93; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm e khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt: Trương Đăng T tù Chung thân về tội “Giết người”.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo T kháng cáo kêu oan; người đại diện hợp pháp của bị hại kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường dân sự và đề nghị tử hình đối với bị cáo.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 56/2008/HSPT ngày 26 tháng 11 năm 2008, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và của người đại diện hợp pháp của bị hại; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 16/2020/HS-GĐT ngày 22 tháng 9 năm 2020, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quyết định:

Hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 56/2008/HSPT ngày 26 tháng 11 năm 2008 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng và Bản án hình sự sơ thẩm số 101/2008/HSST ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật.

Kết quả điều tra lại của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C2 (C02):

Ngày 07 tháng 5 năm 2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C2 tiến hành thực nghiệm khả năng quan sát của bà Nguyễn Thị L3: cho người giả định Trương Đăng T đi từ đường chính rẽ vào nhà nạn nhân, kết quả với khoảng cách, vị trí và góc nhìn của bà L3 khi thực nghiệm đã nhìn thấy và nhận diện được đúng người giả định đi vào nhà nạn nhân.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C2 đã thực nghiệm điều tra về khả năng sử dụng thời gian gây án và diễn biến hành vi phạm tội theo lời khai nhận tội của Trương Đăng T, kết quả: đo quãng đường Trương Đăng T đi từ nhà bà Phan Thị M1 đến nhà nạn nhân xác định là 432m, người đi bộ trong điều kiện bình thường hết khoảng 5 phút 56 giây. Thời gian từ khi T đi bộ từ nhà ông C đến nhà nạn nhân thực hiện toàn bộ các hành vi phạm tội rồi quay trở lại nhà ông C hết 20 phút 10 giây.

Tại Văn bản số 2306/CV-KHHS ngày 27 tháng 7 năm 2021, V3 - Bộ C2 nêu rõ: nội dung Trương Đăng T khai đã cầm cảnh cây cà phê đánh, dùng tay

kéo ngã, bóp cổ, dùng đá ném vào đầu, lột trái chiếc quần dài, quần lót của nạn nhân, phù hợp với cơ chế hình thành dấu vết để lại trên tử thi (tụ máu ở vùng ngực trái, vỡ xương hộp sọ, xây xát da vùng vai trái, tụ máu vùng cổ); phù hợp với dấu vết, vật chứng để lại hiện trường vụ án (khám nghiệm hiện trường đã thu giữ 3 đoạn cành cây cà phê khô bị gãy; 01 cục đá có kích thước 25cm x 24cm x 13cm, quần dài, quần lót của nạn nhân và dấu vết máu).

Quá trình điều tra ban đầu, Trương Đăng T đã khai nhận hành vi phạm tội. Tuy nhiên, từ ngày 05 tháng 5 năm 2006 đến nay, T kêu oan, không nhận tội và trình bày lý do trước đó nhận tội là vì bị Điều tra viên đánh, ép phải nhận tội. Thời điểm từ 13 giờ đến 16 giờ ngày 18 tháng 01 năm 2006, T ngủ trong nhà bà Phan Thị M1 nên có chứng cứ ngoại phạm.

Tại Cáo trạng số 4043/CT-VKSTC-V2 ngày 25 tháng 4 năm 2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao truy tố: Trương Đăng Thế về tội “Giết người” theo các điểm c, n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2023/HS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Về tội danh: tuyên bố bị cáo Trương Đăng T (tên gọi khác: Thế T1) phạm tội “Giết người”.

Về hình phạt: áp dụng điểm c, n khoản 1 Điều 93; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm e khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Trương Đăng T tù Chung thân, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 26 tháng 01 năm 2006.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm bồi thường dân sự, án phí HSST và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15 tháng 7 năm 2023, Trương Đăng T kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Trương Đăng T (tên gọi khác: Thế T1) trình bày giữ nguyên nội dung kháng cáo kêu oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu:

Về tố tụng: kháng cáo của bị cáo Trương Đăng T (tên gọi khác: Thế T1) là trong thời hạn luật định.

Về nội dung:

Quá trình điều tra ban đầu, Trương Đăng T đã khai nhận hành vi phạm tội. Tuy nhiên, từ ngày 05 tháng 5 năm 2006 đến nay T kêu oan, không nhận tội và trình bày lý do trước đó nhận tội là vì bị Điều tra viên đánh, ép phải nhận tội, thời điểm từ 13 giờ đến 16 giờ ngày 18 tháng 01 năm 2006 Thế ngủ trong nhà bà Phan Thị M1 nên có chứng cứ ngoại phạm. Nhưng căn cứ kết quả điều tra ở các giai đoạn tố tụng, lời nhận tội của bị can Trương Đăng T tại Cơ quan điều tra phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, với kết quả

giám định về cơ chế hình thành dấu vết trên thi thể nạn nhân, vật chứng thu giữ trong vụ án; phù hợp với lời khai của các nhân chứng đi mót cà phê đã gửi xe đạp ở nhà nạn nhân, các nhân chứng đi chăn bò qua khu vực nhà nạn nhân và nhân chứng Nguyễn Thị G1 xác định thời điểm xảy ra vụ án nhân chứng G1 đang ngồi ở nhà đối diện nhà nạn nhân, trước cửa nhà N2 có 5 - 6 chiếc xe đạp dựng ở gốc cây (bút lục số 165,166, 244, 245); phù hợp với lời khai của nhân chứng Nguyễn Thị L3 xác định đã trực tiếp nhìn thấy Trương Đăng T đi vào khu vực trước cửa nhà nạn nhân, thực hiện hành vi giết nạn nhân tại khu vực phía sau nhà nạn nhân (bút lục số 257, 258;773-776); phù hợp với lời khai của ông Lê Hồng V2 và các nhân chứng gián tiếp khác là những người đã nghe bà L3 kể lại sự việc nhìn thấy T giết người, đã nghe T tâm sự về việc T đã giết người (bút lục số 777- 780;1053-1056). Việc bị cáo Trương Đăng T kêu oan và khai là mình có chứng cứ ngoại phạm là không có cơ sở, nhằm trốn tránh pháp luật.

Từ khi tiếp nhận tin báo cháu H1 bị sát hại, Cơ quan CSĐT đã tiến hành xác minh, giải quyết theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo cho rằng bị ép cung, đánh đập nên mới trình bày theo ý chí của Điều tra viên là không có căn cứ, đây chỉ là lời khai một chiều của bị cáo. Trong quá trình điều tra, ngoài các Biên bản hỏi cung thì bị cáo còn có nhiều Bản tự khai tự trình bày về hành vi phạm tội của mình; đồng chí Đoàn Quyết T4 là cán bộ Trại giam khi thấy T bị bầm tím nhỏ trên cơ thể đã lập Biên bản ghi nhận trên người T có một số vết bầm mà không mô tả tình trạng vết bầm như thế nào. Bị cáo nói bị Điều tra viên đánh nhưng không yêu cầu cán bộ Y tế kiểm tra, bị cáo vẫn sinh hoạt bình thường cùng các can phạm khác, nên việc cho rằng bị cáo bị đánh đến mức nhận tội giết người là không có căn cứ. Quá trình điều tra vụ án có rất nhiều Điều tra viên tham gia nhưng không nhận được bất kỳ yêu cầu thay đổi Điều tra viên nào. Có nhiều Biên bản lấy lời khai có Luật sư bào chữa cho bị cáo, Kiểm sát viên tham gia nhưng bị cáo vẫn xác định lời khai nhận tội là đúng và không bị ai ép cung, dùng hình. Khi thực nghiệm điều tra bị cáo đi bộ từ nhà bà M1 đến nhà anh H3, có rất nhiều người quen của bị cáo tham gia chứng kiến nhưng bị cáo không kêu oan mà vẫn tự mình tiến hành diễn lại toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bị cáo đã khai.

Vụ án đã được điều tra, truy tố, xét xử rất nhiều lần; các cơ quan tiến hành tố tụng các cấp đã tiến hành điều tra, xác minh vụ án một cách toàn diện, đầy đủ, khách quan theo đúng quy định của pháp luật. Những nội dung mà bị cáo đã trình bày trong Đơn kháng cáo cũng đã được xem xét, phân tích, đánh giá trong suốt quá trình tiến hành tố tụng đối với vụ án.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo Trương Đăng T về tội “Giết người” theo điểm c, n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có cơ sở, đúng pháp luật, không oan và xử phạt tù chung thân đối với bị cáo là tương xứng, phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm không phát sinh tình tiết nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Trương Đăng T.

Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thực hành quyền công tố tại phiên tòa hôm nay, tôi đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa vì lý do tất cả người làm chứng vắng mặt tại phiên.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình điều tra, điều tra lại sau khi xét xử giám đốc thẩm, người làm chứng đã được Cơ quan điều tra triệu tập để làm việc và người làm chứng đã có lời khai, Bản tự khai rõ ràng, đầy đủ. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, tất cả người làm chứng vắng mặt. Các Luật sư đề nghị hoãn phiên tòa để triệu tập người làm chứng đến phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy rằng: việc vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, yêu cầu của các Luật sư là không cần thiết. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 13 tháng 7 năm 2023, bị cáo Trương Đăng T kháng cáo kêu oan. Đơn kháng cáo của bị cáo là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, bị cáo T giữ nguyên kháng cáo kêu oan. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa luận tội, xác định bị cáo phạm tội “Giết người” không oan và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Tại phần tranh tụng, các Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm kết án Trương Đăng T về tội “Giết người” là không phù hợp với thực tế khách quan, không phù hợp với diễn biến của vụ án, cụ thể:

Thứ nhất: quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã vi phạm thủ tục tố tụng nghiêm trọng, dẫn đến việc làm sai lệch kết quả điều tra. Trương Đăng T không hề đến Cơ quan Cảnh sát điều tra để tự thú, mà thực tế bị cáo bị áp giải đưa đi. Do đó, việc Cơ quan Cảnh sát điều tra lập Biên bản tự thú là vi phạm Điều 102 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo đã bị cán bộ điều tra đánh đập, dùng nhục hình, nên mới khai báo theo nội dung cán bộ điều tra hướng dẫn. Đến ngày 12 tháng 4 năm 2006, khi cán bộ điều tra đưa bị cáo ra làm việc, bị cáo tiếp tục bị đánh và được cán bộ Trại giam làm Bản tường trình báo cáo sự việc.

Thứ hai: hiện trường vụ án không đúng như bản án sơ thẩm đã viện dẫn, có quá nhiều mâu thuẫn. Nếu theo Kết luận điều tra, Cáo trạng và bản án sơ thẩm, thì đám máu dính thắm trên lá và đất kích thước 20cm x 10cm là nơi nằm cuối cùng của cháu H1 và là nơi cháu H1 bị đập đá vào đầu. Vậy nhưng, theo Biên bản khám nghiệm hiện trường thì không hề có cục đá ở đây và cách đám máu này về phía Nam 140cm thấy tiếp 01 đám máu dính trên lá và đất rải rác kích thước 35cm x 30cm. Cách đám máu này về hướng Nam 170cm thấy quần của nạn nhân và có đám máu nhỏ giọt. Tại vị trí đám máu nhỏ giọt và quần của nạn nhân thấy đám đất trầy xước kích thước 137cm x 90cm. Như vậy, cách đám máu ban đầu (nơi cháu H1 nằm) cho đến nơi nạn nhân bị cởi quần và có đám máu nhỏ giọt có khoảng cách là $20\text{cm} + 140\text{cm} + 30\text{cm} + 170\text{cm} = 360\text{cm}$ (3,6 m). Rõ ràng, tại đây đã có một cuộc vật lộn giữa hung thủ và nạn nhân và tại đây nạn nhân đã bị đánh chảy máu. Như vậy, hung thủ đã đè nạn nhân, đánh nạn nhân bắt đầu từ phía vườn cà phê nhà bà Tổng Thị V trở vào nhà của nạn nhân theo hướng N3 - Bắc theo như hiện trường đã thể hiện, chứ không phải là đánh từ nhà nạn nhân đánh ra tới vườn cà phê nhà bà V theo hướng Bắc - Nam theo như Kết luận điều tra, Cáo trạng và bản án sơ thẩm đã quy kết. Đồng thời, bản án sơ thẩm mô tả khi nạn nhân bị Tường Đăng T lôi đi, tay của nạn nhân có bám vào các cành cây cà phê để cố gắng lại nhưng kết quả khám nghiệm hiện trường không hề thấy cành cây cà phê bị gãy hay lá cà phê tươi bị rụng xuống. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo được mô tả trong vụ án ngược lại với hiện trường vụ án, không phù hợp với dấu vết để lại trên thân thể của nạn nhân, thì rõ ràng Tường Đăng T không phải là người đã thực hiện vụ án này.

Theo bản án, bản vẽ hiện trường cho thấy xung quanh nơi nạn nhân nằm khoảng 20m² có nhiều điểm dính máu, trầy xước đất, cành cây gãy cho thấy giữa nạn nhân và hung thủ đã có sự giằng co, chống cự quyết liệt, không như lời khai của bà L3 và Kết luận điều tra. Lời khai của bà L3 và lời khai nhận tội ban đầu của T về lộ trình đi từ đường đất từ nhà bà M1 đến nhà nạn nhân là không phù hợp, có dấu hiệu hướng cung, đọc cho viết.

Ngoài ra, hiện trường vụ án thể hiện có việc cháu H1 bị hiếp dâm nhưng chưa được điều tra làm rõ. Cụ thể, việc cháu H1 bị lột quần, âm hộ chảy dịch nhầy màu trắng đục, hai bên dính dịch khô bóng màu trắng đục, chất dịch này cũng được phát hiện ở hõm nách của bị hại; đầu tóc bị hại bết máu và đất, lá cà phê.

Đối với chất dịch nhầy trắng đục ở hõm nách của bị hại (ngghi là tinh trùng) không công khai kết quả giám định là có dấu hiệu làm sai lệch hồ sơ vụ án.

Thứ ba: người làm chứng là bà Nguyễn Thị L3 có mâu thuẫn với bị cáo từ trước, trong lời khai của bà L3 cũng hết sức vô lý, bất nhất. Bà L3 khẳng định đã nhìn thấy bị cáo giết cháu H1 nhưng theo kết quả thực nghiệm điều tra thì bà L3 không nhìn thấy được gì, không xác định được vị trí nơi sự việc xảy ra. Một số nội dung khác bà L3 khai không phù hợp với các tình tiết của vụ án như vẫn

thấy cháu H1 mặc quần lót, trong khi thực tế cháu H1 đã bị lột quần; hay khoảng cách bà nhìn thấy sự việc cũng liên tục thay đổi. Bản thân gia đình bà L3 và bị cáo trước đây đã có mâu thuẫn.

Thứ tư: trước đây, Tưởng Đăng T khai nhận tội là do bị ép cung, hành hạ, thậm chí Điều tra viên đọc cho bị cáo ghi theo ý chí của Điều tra viên, chứ không phải của bị cáo. Bị cáo bị nhục hình là có thật, vì có Biên bản thể hiện bị cáo bị đau chân.

Suốt ngày và đêm 25 tháng 01 năm 2006 bị cáo bị Điều tra viên hù dọa còng tay vào cửa sổ, chân bàn, chân ghế và dùng tay, dùi cui đánh đập nên ngày 26 tháng 01 năm 2006 bị cáo T mới liệu nhận tội để không bị đánh. Điều này được thể hiện ngày 27 tháng 01 năm 2006 cán bộ Công an xóc nách bị cáo xuống hiện trường.

Bị cáo T kêu oan ngay từ ngày 27 tháng 01 năm 2006 nhưng không được tiếp nhận, xem xét mà còn bị đánh đập, chuyển trại giam.

Thứ năm: Tưởng Đăng T có chứng cứ ngoại phạm. Bà Phan Thị M1 và một số người tại nhà bà M1 chứng kiến bị cáo ngủ tại nhà bà M1 từ 13 giờ đến hơn 16 giờ ngày 18 tháng 01 năm 2006. Bộ quần áo bị cáo vẫn mặc từ ngày 18 tháng 01 năm 2006 cho đến hai, ba ngày sau không thay đổi. Trên người bị cáo trước và sau khi ngủ dậy không có gì lạ. Nếu bị cáo đã giết cháu Trần Thị Kim H1 thì không thể đầu tóc, thân thể, quần áo của bị cáo vẫn sạch sẽ bình thường như chưa có chuyện gì xảy ra.

Cơ quan điều tra tách nhóm 5 người làm chứng gồm N2, H4, M1, T5, T6 gặp nhau tại một thời điểm nhà bà M1 thành hai nhóm, hai thời điểm chứng kiến để lấy thời gian từ 14 giờ đến 14 giờ 30 phút là 30 phút T đi trộm và giết cháu H1. Thực tế 30 phút này 5 người làm chứng nêu trên đều thấy T ngủ tại nhà bà M1. Hơn nữa, Cơ quan điều tra cho rằng bà M1 rửa chén hết khoảng 30 phút và thời gian này bà M1 không thấy T ngủ là thiếu chính xác.

Thứ sáu: lời khai trước đây của những người cùng giam với Tưởng Đăng T có dấu hiệu mớm cung. Đó là Phạm Văn T7, Y Phước B1 và Nguyễn Phước L4 đều là bị can trong các vụ án do Điều tra viên Dương Thế B2 trực tiếp điều tra. Bị cáo cũng không hề tâm sự gì với họ, chỉ nói là mình bị oan.

Thứ bảy: tất cả các căn cứ buộc tội Tưởng Đăng T đều yếu và có nhiều chứng cứ thu thập sai tổ tụng như việc lấy ý kiến tố giác không đúng trình tự, không đúng pháp luật, mục đích động cơ phạm tội của bị cáo là chưa rõ ràng, thời gian gây án như bản án sơ thẩm kết luận không đủ để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội; lời khai của cháu Nguyễn Thị G1 ngồi nhặt cà phê đối diện với nhà bị hại nhưng không nhìn thấy bị cáo và cả đoạn đường đi và về không ai thấy bị cáo, ngoài bà Nguyễn Thị L3 là vô lý.

Với những lý lẽ viện dẫn nêu trên, các Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên bị cáo Tưởng

Đặng T không phạm tội “Giết người” và trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên toà. Đồng thời, đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra để tìm ra hung thủ đích thực đã giết hại cháu Trần Thị Kim H1 để xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với lời bào chữa của các Luật sư và bổ sung: bị cáo không giết cháu Trần Thị Kim H1 nên bị cáo không có tội. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không phạm tội và trả tự do ngay cho bị cáo.

Nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị được chấp nhận kháng cáo.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo:

[4.1] Về tội danh:

[4.1.1] Tường Đặng T khẳng định trong khoảng thời gian từ 13 giờ đến 16 giờ ngày 18 tháng 01 năm 2006, bị cáo ngủ tại nhà ông Trần Đình C và có rất nhiều người chứng kiến. Bị cáo không có mặt tại nơi xảy ra vụ án, không thực hiện hành vi giết cháu Trần Thị Kim H1 như bản án sơ thẩm đã kết luận.

Xét thấy: lời khai này của Tường Đặng T không có căn cứ, việc bị cáo kêu oan và xác định có chứng cứ ngoại phạm là không có cơ sở, nhằm trốn tránh pháp luật, bởi lẽ: tất cả các lời khai của những người làm chứng là các ông, bà Phan Thị M1, Trần Đình C, Trần Thị H5, Nguyễn Bá Q1, Trần Đình T8, Nguyễn Thiện T9, Nguyễn Quang H6, Lê Thị N4 (là những người đến nhà bà Phan Thị M1 vào ngày xảy ra vụ án) đều xác định: thời điểm trước 14 giờ và sau 14 giờ 30 phút ngày 18 tháng 01 năm 2006, họ thấy Tường Đặng T có mặt tại nhà bà Phan Thị M1. Không có người làm chứng nào xác nhận từ 14 giờ đến 14 giờ 30 phút ngày 18 tháng 01 năm 2006 Tường Đặng T đang ngủ hay có mặt tại nhà bà M1. Bà Phan Thị M1 khai: khoảng 14 giờ, bà bắt đầu rửa chén bát ở nhà bếp hết khoảng 30 phút. Khoảng thời gian này bà không quan sát được phía nhà trên do bị vướng tường. Rửa bát xong bà có đi lên xuống, qua lại trong nhà thì vẫn thấy ba người đang ngủ đó là Tường Đặng T, ông Trần Đình C và anh Nguyễn Bá Q1, ngoài ra không có ai. Như vậy, khoảng thời gian từ 14 giờ đến 14 giờ 30 phút, bà M1 không quan sát thấy được Tường Đặng T, vì bị che khuất bởi bức tường ngăn giữa nhà trên với nhà bếp. Đây là khoảng thời gian xác định cháu Trần Thị Kim H1 bị giết.

[4.1.2] Lời khai nhận tội ban đầu của Tường Đặng T có nội dung: khoảng 13 giờ ngày 18 tháng 01 năm 2006, T chở ông Trần Đình C về ngủ tại nhà ông C. Một lúc sau anh Nguyễn Bá Q1 cũng đến ngủ tại nhà ông C. Đến 14 giờ cùng ngày, bị cáo tỉnh dậy, nghĩ đến nhà ông Trần Phi H3 mấy hôm trước phơi nhiều bắp, chắc đã bán và có tiền cất trong nhà, nên nảy sinh ý định đến nhà ông H3 để lấy trộm tiền. Thấy ông C, anh Q1 đang ngủ, bà M1 đang dọn dẹp ở bếp, bị cáo đã dậy, đi bộ đến nhà ông H3 để trộm cắp. Khi đến trước cổng nhà ông H3, thấy cháu bé khoảng 13 - 14 tuổi đang ở sân nhà đối diện với nhà ông H3 đang ngồi nhặt cà phê, thấy mấy con dê đang ăn lá dâm bụt ở bờ rào; có 5 - 6 chiếc xe đạp dựng ở gốc cây trong sân nhà ông H3. Bị cáo đi bên hông ra sau nhà thì gặp cháu Trần Thị Kim H1 là con ông H3 đang nhặt cà phê gần bể

nước, cháu H1 nghi ngờ và hỏi bị cáo “*Sao chú vào nhà lại đi cửa sau, cháu về sẽ mách bố mẹ, chú vào lấy trộm*”. Sợ bị lộ, bị cáo đã kéo tay cháu H1 lôi ra sau nhà, cháu H1 kêu lên, thì bị cáo dùng tay bịt miệng cháu H1, kéo cháu H1 ra vườn cà phê sau nhà. Cháu H1 vùng vẫy, nắm cành cà phê níu lại, nên bị cáo nhặt 01 đoạn cành cây cà phê khô đánh vào 02 mu bàn tay cháu H1 để cháu H1 buông tay ra, làm cành cây cà phê bị gãy nhiều đoạn; còn tay kia kẹp cổ kéo cháu H1 ra sau vườn cà phê rồi giật mạnh tay, kéo cháu H1 ngã xuống đất, dùng tay trái bịt miệng, tay phải bóp cổ cháu H1 đến khi cháu H1 nằm im. Thấy cháu H1 còn cựa quậy, bị cáo nhặt cục đá ném vào đầu cháu H1. Sau đó, bị cáo đã lột quần cháu H1 vứt bên cạnh, nhằm tạo hiện trường vụ án hiếp dâm để đánh lạc hướng Cơ quan điều tra rồi bị cáo đi ra đường lô cà phê quay về nhà ông C và lên giường nằm tiếp. Lúc đó khoảng 14 giờ 30 phút, không có ai trong nhà ông C biết bị cáo đã đi ra ngoài và quay về (bút lục số 407- 416; số 427- 438).

Như vậy, lời khai nêu trên của Tường Đăng Thế là có cơ sở, mục đích của bị cáo là tìm đến nhà ông H3, bà L1 để trộm cắp tài sản, vì đã để ý từ trước. Lời khai này phù hợp với lời khai của bà Nguyễn Thị L1 về việc trước đó gia đình bà có mua bắp về phơi ở ngoài sân, sau đó mang vào nhà để cất cho heo, bò, dê ăn dần. Ngoài ra, khi xác định tội danh của bị cáo cũng cần xem xét nhân thân bị cáo đã từng bị Tòa án kết án về tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó, khi bị cháu Trần Thị Kim H1 phát hiện, bị cáo ra tay sát hại cháu H1 và lột quần cháu H1 để làm giả hiện trường vụ án hiếp dâm, nhằm đánh lạc hướng Cơ quan điều tra.

[4.1.3] Lời khai nhận tội của bị cáo, cũng như Bản tường trình bị cáo tự viết, ký tên và quá trình thực nghiệm điều tra, bị cáo đã tự diễn lại toàn bộ hành vi giết hại cháu Trần Thị Kim H1 đều phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi và kết quả giám định về cơ chế hình thành dấu vết trên thi thể nạn nhân. Phù hợp với các vật chứng thu giữ và phù hợp với lời khai của người làm chứng là bà Nguyễn Thị L3 tại các giai đoạn như điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và phúc thẩm ngày 26 tháng 11 năm 2008, bà L3 luôn khẳng định: “*Khoảng 14 giờ ngày 18 tháng 01 năm 2006, tôi đi mót cà phê, khi ngang qua cổng nhà anh C1 thì nhìn thấy Tường Đăng T đi bộ từ hướng nhà C, M1 đi lên. T tiếp tục đi ra ngoài theo hướng nhà H3, L1. Tôi thấy rõ mặt T, đội mũ tai bèo, thấy T rẽ vào nhà H3, L1. Một lúc sau, tôi nghe thấy tiếng hét to của bé gái. Thế tay kẹp cổ cháu H1 kéo từ hiên nhà ra sau giữa vườn cà phê nhà bà V. T dùng cành cây cà phê đánh vào tay và người cháu H1. Khi cháu H1 ngã xuống, thì T nhặt một hòn đá đập vào đầu cháu H1, sau đó lột quần cháu H1 rồi bỏ chạy theo đường lô cà phê*”.

Ngoài ra, lời khai nhận tội ban đầu của bị cáo cũng phù hợp với lời khai của những người tạm giam cùng với bị cáo (đầu năm 2006) như các bị can Phạm Văn T7, Nguyễn Phước L4 và Y Phước B1 về việc đã nghe Tường Đăng T tâm sự về việc T vào nhà người dân để trộm cắp, bị con gái chủ nhà phát

hiện, sợ bị lộ nên T đã kéo cháu bé ra vườn cà phê sau nhà, dùng cây, đá đánh chết cháu bé, tụt quần tạo hiện trường giả vụ hiếp dâm, rồi về nhà bạn gái gần đó. Cụ thể: Bản tự khai ngày 25 và 26 tháng 4 năm 2006 của phạm nhân Phạm Văn T7 (Buồng giam số 16 – B4 Trại giam Công an tỉnh Đ) có nội dung “Trong thời gian ở cùng phòng giam với phạm nhân Tường Đăng T có kể cho tôi nghe việc phạm nhân Tường Đăng T phạm tội giết đứa bé ở gần nhà. Trước Cơ quan Điều tra Tường Đăng T đã nhận tội giết người. Trong khi ở phòng khác, một số phạm nhân đã xui T phản cung, nếu cơ quan điều tra gọi làm việc nữa thì đừng nhận. Và T nói chuyện với tôi có Luật sư nào đó tôi không biết tên bảo Thế là không nhận. Sự việc này tôi đã có báo cáo cán bộ quản giáo buồng giam. Trước cán bộ quản giáo T cũng đã nhận. Tang vật mà T giết cháu bé là một hòn đá và khúc cây gỗ cà phê cùng 01 bao tay. T nói với tôi là nếu kiểm tra hung khí không bao giờ có vân tay. Và T nói gia đình T sẽ chạy Luật sư cãi cho T...” (bút lục số 100). “T nói phạm tội giết người, dùng cây cà phê đập vào người, dùng đá đập vào đầu bé gái... T nói T biết nhà bé gái này mới bán bắp nên có tiền vì vậy T vào nhà ăn trộm tiền, khi vào nhà lấy tiền thì bị bé gái này phát hiện, T sợ lộ nên đã giết bé gái này... Một số phạm nhân ở phòng 19 bảo T đừng nhận... Luật sư cũng bảo đừng nhận...” (bút lục số 103). Lời khai này của Phạm Văn T7 phù hợp với lời khai của các phạm nhân khác là Y'Phước B3 và Nguyễn Phước L4 đã trình bày khi đang bị giam ở phòng giam khác.

[4.1.4] Kết quả thực nghiệm điều tra lại ngày 07 tháng 5 năm 2022 cho thấy việc bà Nguyễn Thị L3 nhìn thấy rõ mặt Tường Đăng T đi vào nhà bị hại là hoàn toàn có thể. Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng khi thực nghiệm điều tra tại hiện trường cho bà L3 quan sát từ khoảng cách 6 - 7 cây cà phê đến vị trí nơi cháu Trần Thị Kim H1 bị đánh thì bà L3 không nhìn thấy người, nên lời khai của bà L3 là không có cơ sở. Tuy nhiên, thời điểm tiến hành thực nghiệm lại này cách thời điểm xảy ra vụ án rất lâu (16 năm) và tại thời điểm thực nghiệm lại, bà L3 đã cao tuổi, mắt kém; điều kiện vườn cà phê khi xảy ra vụ án và thời điểm thực nghiệm điều tra lại cũng khác nhau, vì khi bà L3 đi mót cà phê thì vườn cà phê đã hái xong, cây cối sẽ xơ xác, trổng trãi và theo bà L3 trình bày thì vị trí cháu H1 nằm gần cây cà phê mới trồng, tán còn thấp nên dễ quan sát. So với vườn cà phê sau này cây cối sum suê, cao, tán rộng, nên tầm nhìn sẽ hạn chế hơn. Ngoài ra, do thời gian đã lâu, bà L3 không nhớ được vị trí bà đứng quan sát, mà trong thực tế tại hiện trường vụ án nếu đứng ở vị trí này thì thấy còn đứng ở vị trí khác lại không thấy. Do đó, không thể căn cứ vào kết quả thực nghiệm lại để khẳng định bà Nguyễn Thị L3 không chứng kiến sự việc.

[4.1.5] Tường Đăng T khai lý do trước đây bị cáo nhận tội là do bị Điều tra viên đánh đập, ép cung là không có căn cứ. Vì ngoài các Bản cung không có Kiểm sát viên, Luật sư tham gia, thì còn có Bản cung ngày 05 tháng 5 năm 2006 có Kiểm sát viên và Luật sư tham gia nhưng Tường Đăng T vẫn nhận tội, không kêu oan và bị cáo còn tự tay viết Bản tự khai ngày 06 tháng 4 năm 2006

có nội dung: “... tới khoảng 14 giờ thì tỉnh dậy lúc đó nhà bác C, bác C và Q1 đang ngủ, còn bác M1 đang ngồi giặt đồ, còn H5, H7, H8 không có ở nhà. Lúc đó tôi nghĩ nhà H3 có tiền vì trước đó mấy ngày tôi thấy nhà anh H3 có phơi bắp. Tôi nghĩ anh H3 đã bán chắc cất tiền trong nhà, tôi có ý định tới nhà anh H3 để trộm tiền. Tôi dậy đi qua vòng sân đội rồi đến cổng nhà chị H9 thì thấy 1 bé gái đang ngồi ở sân và tôi đi tới ngõ nhà anh H3 nhìn vào thì thấy cửa mở. Ở dưới gốc nhãn có 5 – 6 cái xe đạp và có mấy con dê đang ăn dâm bụt ở bờ rào và tôi vòng qua phía trái để đi ra sau. Tôi đứng ngoài cửa sau nhìn vào trong không thấy ai. Tôi nghĩ có ai đó ở sau nên tôi quay người lại thì thấy cháu H1 ở dưới gốc cà cách người tôi khoảng 6 mét. Cháu H1 nhìn tôi và nói sao mà chú đi vào nhà cháu bằng cửa sau lén lút như vậy, cháu về cháu mách ba mẹ cháu. Nên tôi nói đừng nói với ba mẹ cháu. Cháu H1 không chịu. Lúc đó tôi đi lại gần cháu H1 và cầm tay cháu H1 thì cháu H1 nói to, tôi sợ người nào nghe tiếng nên tôi lấy tay bóp cổ cháu H1 và lôi ra sau... Lúc tôi bóp cổ cháu H1 một tay tôi cầm tay cháu H1, một tay tôi bóp cổ cháu H1, thời gian bóp cổ khoảng 01 phút thì cháu H1 nằm im. Sau đó một lúc tôi thấy cháu H1 cựa quậy, lúc đó tôi thấy cách người tôi khoảng 6 mét có một cục đá to bằng nửa cái mũ, loại mũ thợ điện hay đội, tôi lại bê cục đá đó đến bên cháu H1 và thả cục đá đó từ độ cao 1 mét vào đầu cháu H1, tôi nghe kêu cái bóp. Tôi thấy máu chảy ra từ đầu cháu H1, sau đó tôi lột quần dài và quần lót của cháu H1 bỏ ra ngoài mục đích là để làm hiện trường hiếp dâm...” (bút lục số 77). Bị cáo viết Bản cam kết ngày 06 tháng 4 năm 2006 có nội dung “Thời gian trước đây khi làm việc với cán bộ và Luật sư tôi không nhận tội và xuyên tạc tội giết người, lý do tôi xuyên tạc vì sợ quá, sợ bị tử hình... Nay tôi thấy việc làm của tôi đã rõ ràng. Tôi thấy việc xuyên tạc của tôi là vi phạm pháp luật. Tôi mong được các cấp quan tâm và giảm nhẹ hình phạt cho tôi” (bút lục số 190). Bị cáo viết Bản cam kết ngày 07 tháng 02 năm 2006 có nội dung “Qua làm việc với cán bộ, được cán bộ nhắc nhở và giáo dục, tôi không còn xuyên tạc hay phủ nhận hành vi phạm tội của mình. Tôi cam đoan lời khai tự thú của tôi tại Cơ quan điều tra là đúng sự thật, nếu có lời nào gian dối thì tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật” (bút lục số 191). Lời khai ngày 12 tháng 4 năm 2006 của Tướng Đặng T có nội dung “Lời khai ngày 06 tháng 4 năm 2006 là do chính tay tôi viết, không ai đọc cho bị can viết” (bút lục số 91). Vì vậy, việc bị cáo cho rằng tất cả các lời khai trước đây của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra đều do bị ép cung là không có cơ sở để chấp nhận. Đồng thời, tại hiện trường thực nghiệm điều tra có rất nhiều người, không có ai mớm ép, nhưng bị cáo cũng đã tự mình diễn tả lại toàn bộ quá trình bị cáo ngủ ở nhà bà Phan Thị M1 cho đến khi ngủ dậy đi đến nhà nạn nhân thực hiện hành vi phạm tội và đi về lại nhà bà M1 ngủ tiếp. Lời khai chi tiết lịch trình trong ngày của bị cáo đi đâu, làm gì, gặp gỡ những người nào, cách thức thực hiện hành vi, công cụ gây án... chỉ có bị cáo mới biết. Hơn nữa, lời khai nhận tội của bị cáo còn phù hợp với toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác và việc thực nghiệm điều tra cũng phù hợp với lời

khai nhận tội của bị cáo, lời khai xác nhận của những người làm chứng; phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, với cơ chế hình thành dấu vết để lại trên tử thi nạn nhân, với dấu vết, vật chứng để lại tại hiện trường vụ án.

[4.1.6] Kết quả điều tra xác định cháu Trần Thị Kim H1 bị sát hại trong khoảng thời gian từ 14 giờ đến 14 giờ 30 phút ngày 18 tháng 01 năm 2006. Tưởng Đăng T cho rằng từ 13 giờ đến 16 giờ, bị cáo ngủ tại nhà bà M1 cùng với ông C và ông Q1, nên không có mặt tại hiện trường vụ án. Tuy nhiên, lời khai của bà Phan Thị M1 xác định 03 người ngủ 03 nơi khác nhau, ông C và ông Q1 ngủ ở hai giường trong phòng, còn bị cáo ngủ ở giường ngoài phòng khách. Từ 14 giờ đến 14 giờ 30 phút, bà M1 đang dọn dẹp, rửa chén bát dưới bếp phía sau nhà, không thể quan sát được vị trí bị cáo nằm ngủ; cũng như những người làm chứng khác có mặt tại nhà bà M1 vào ngày 18 tháng 01 năm 2006 như ông Q1, bà N4, ông T9 và chị H5 đều không khẳng định trong khoảng thời gian này bị cáo ngủ tại nhà bà M1.

[4.1.7] Tiến hành thực nghiệm điều tra toàn bộ quá trình thực hiện tội phạm theo lời khai nhận tội của bị cáo từ lúc tỉnh dậy, ra khỏi nhà bà M1 đến nhà ông H3, thực hiện hành vi sát hại cháu H1 cho đến lúc bị cáo quay về nhà bà M1 nằm ngủ tiếp thì hết 20 phút 10 giây. Với khoảng thời gian này, bị cáo hoàn toàn có khả năng gây án và trong thời gian này không một nhân chứng nào khẳng định bị cáo có mặt ở nhà bà M1, ông C.

[4.1.8] Ngoài ra, lời khai nhận tội của Tưởng Đăng T còn phù hợp với lời khai của những người làm chứng đã gửi xe đạp ở nhà nạn nhân, người làm chứng đi chăn bò qua khu vực nhà nạn nhân và cháu Nguyễn Thị G1 xác định thời điểm xảy ra vụ án, trước cửa nhà nạn nhân có 5 - 6 chiếc xe đạp dựng ở gốc cây (bút lục số 165, 166, 244 và 245); phù hợp với lời khai của bà Nguyễn Thị L3 xác định đã trực tiếp nhìn thấy bị cáo đi vào khu vực trước cửa nhà nạn nhân, thực hiện hành vi giết nạn nhân tại khu vực phía sau nhà nạn nhân (bút lục số 257, 258; 773-776); phù hợp với lời khai của ông Lê Hồng V2 và những người làm chứng gián tiếp khác là người đã nghe bà L3 kể lại sự việc nhìn thấy T giết người, đã nghe T tâm sự về việc T đã giết người (bút lục số 777-780; 1053-1056).

Do đó, việc bị cáo T kêu oan và cho rằng có chứng cứ ngoại phạm là không có cơ sở. Một số chi tiết thể hiện lời khai của bị cáo là mâu thuẫn, thiếu trung thực, như: khi hỏi bị cáo với chị H5 (con bà M1) quan hệ như thế nào, thì bị cáo nói “*Mới chỉ thích*”. Trong khi đó bà M1 và chị H5 xác định thời điểm tháng 01 năm 2006, chị H5 và bị cáo đã có quan hệ tình cảm (yêu đương) đã được hơn 01 năm. Bị cáo cho rằng khi ký vào các Bản cung nhận tội, bị cáo không đọc lại và không ai đọc cho bị cáo nghe. Nhưng khi hỏi bị cáo ai yêu cầu gạch 02 chữ “67” trong Bản cung, thì bị cáo nói là bị cáo. Như vậy, nếu bị cáo không đọc và không nghe đọc, thì không thể biết được có 02 chữ “67” trong Bản cung để yêu cầu gạch bỏ. Hơn nữa, bị cáo chỉ yêu cầu gạch bỏ 2 chữ “67”

chứ không yêu cầu gạch bỏ nội dung bị cáo nhận tội. Bị cáo khai chiều tối ngày 18 tháng 01 năm 2006, bị cáo chơi bài với anh Nguyễn Thiện T9 và một số người khác tại nhà anh Nguyễn Quang T10. Nhưng những người này khẳng định chiều tối hôm đó không chơi bài với bị cáo. Đối chiếu lời khai của bị cáo với lời khai của những người làm chứng trực tiếp, người làm chứng gián tiếp, những người tiếp xúc với bị cáo trong ngày gây án là hoàn toàn logic, phù hợp với hiện trường, với các công cụ gây án, cơ chế hình thành vết thương trên người nạn nhân.

[4.1.9] Ngoài ra, các lời khai của bị cáo đều phù hợp với diễn biến khách quan của vụ án, cụ thể:

Bị cáo khai mục đích đến nhà ông H3, bà L1 trộm cắp tài sản, vì trước đó bị cáo thấy ông H3, bà L1 có phơi bắp, thì đúng là trước đó vài ngày và đến ngày 12 tháng 01 năm 2006, gia đình ông H3, bà L1 có phơi bắp ngày cuối sau đó mang cất.

Bị cáo khai, bị cáo dùng cành cây cà phê dài khoảng 70 cm to bằng ngón chân cái đánh vào hai mu bàn tay cháu Trần Thị Kim H1 cho đến khi cành cây gãy thành nhiều đoạn. Kết quả có thu giữ tại hiện trường 3 đoạn cành cà phê khi ghép lại trùng khớp với nhau, có độ dài kích cỡ gần đúng như bị cáo mô tả và trên mu bàn tay của cháu H1 có vết sưng nề do bị đánh như lời khai của bị cáo (*nội dung này tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay Luật sư cũng đã thừa nhận*).

Bị cáo khai dùng đá hình mu rùa thả ném vào đầu cháu H1. Kết quả có thu giữ 01 cục đá như bị cáo trình bày và vết thương trên đầu cháu H1 chính là do cục đá có thể gây nên.

Bị cáo khai dùng tay bóp cổ cháu H1. Kết quả khám nghiệm tử thi xác định vùng cổ cháu H1 bị bầm tím, xây xát.

Bị cáo khai lột quần tạo hiện trường hiếp dâm. Kết quả khám nghiệm hiện trường đúng như lời khai của bị cáo là quần cháu H1 bị cởi bỏ ra khỏi người cháu H1, nhưng cháu H1 không bị hiếp dâm.

Đối chiếu với lời khai của bà Nguyễn Thị L3, thì bà L3 thấy bị cáo dùng cành cây đánh cháu H1, dùng đá ném vào đầu cháu H1, lột quần vứt ra ngoài. Bà L3 còn mô tả nạn nhân nằm ngửa đầu quay về hướng nhà ông H3, thì tất cả đều phù hợp với lời khai của bị cáo. Như vậy, nếu bà L3 không có mặt tại hiện trường, thì không thể biết một cách chi tiết đến vậy.

Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng hiện trường vụ án xáo trộn thì đồ của bị cáo sẽ bị bẩn. Nhưng qua lời khai của bị cáo, lời khai của bà L3 thể hiện toàn bộ hành vi của bị cáo đều ở thể chủ động và ở tư thế đứng nên đồ của bị cáo không nhất thiết bị bẩn; sở dĩ hiện trường vụ án xáo trộn là do bà L1 (mẹ cháu H1) trong lúc hoảng loạn và quá trình bông, bế lúi kéo cháu H1 đi cấp cứu nên làm cho hiện trường bị xáo trộn. Ngoài ra, Luật sư bào chữa cho bị cáo còn cho

rằng đầu tóc nạn nhân bê bết máu và dính đất, lá cà phê chứng tỏ tại đây đã xảy ra sự vật lộn giữa nạn nhân với hung thủ. Việc nạn nhân nằm dưới đất không có ai bác bỏ và do nằm dưới đất nên có thể đã dính đất, lá cà phê; hơn nữa, khi bị cáo bê hòn đá (có sẵn trong vườn lâu năm) là bê luôn cả đất và lá cây bám vào cục đá, nên khi thả vào đầu cháu H1 thì đất, lá cây cũng rơi ra khỏi cục đá và bám vào đầu tóc cháu H1 như kết luận của bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4.1.10] Sau khi có Quyết định giám đốc thẩm số 16/2020/HS-GĐT ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C2 đã tiến hành các hoạt động điều tra như hỏi cung bị can, lấy lời khai những người làm chứng, những người liên quan, tiến hành thực nghiệm điều tra, đối chất... để xác minh làm rõ các vấn đề mà Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao yêu cầu. Kết quả điều tra đã củng cố thêm các chứng cứ, làm rõ hơn một số tình tiết, nội dung vụ án, còn lời khai của những người làm chứng không có gì thay đổi.

[4.1.11] Từ những phân tích nêu trên có đủ cơ sở kết luận: khoảng 14 giờ ngày 18 tháng 01 năm 2006, Tường Đăng T đã đi bộ từ nhà ông Trần Đình C đến nhà ông Trần Phi H3 để trộm cắp tài sản, nhưng bị cháu Trần Thị Kim H1 phát hiện. Do sợ bị cháu H1 về nói lại với bố, mẹ về việc trộm cắp tài sản, nên Tường Đăng T đã giết hại cháu H1 sinh ngày 17 tháng 02 năm 1993 khi cháu H1 chưa đủ 13 tuổi. Bị cáo phạm tội đối với trẻ em và có tính chất côn đồ bị quy định xử phạt tại các điểm c, n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk kết tội Tường Đăng T (tên gọi khác: Thế T1) về tội “Giết người” theo quy định tại các điểm c, n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội và không oan. Mức hình phạt tù chung thân Tòa án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và hậu quả do bị cáo gây ra. Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy kháng cáo kêu oan của bị cáo là không có căn cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[6] Về án phí HSPT: bị cáo Tường Đăng T (tên gọi khác: Thế T1) phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tường Đăng T (tên gọi khác: Thế T1). Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2023/HS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Tường Đăng T (tên gọi khác: Thế T1) phạm tội “Giết người”.

3. Về hình phạt: áp dụng điểm c, n khoản 1 Điều 93; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm e khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Trương Đăng T từ Chung thân, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 26 tháng 01 năm 2006.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo Trương Đăng T (tên gọi khác: Thế T1) phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào Lê Văn Thường

Trần Quốc Cường